TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 391/2026/DS-PT
Ngày 10 - 7 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh

Các Thẩm phán: Ông Dương Hà Ngân

Ông Nguyễn Thế Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:* Bà Vương Thị Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 306/2026/TLPT-DS ngày 21-5-2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2026/DS-ST ngày 03-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 419/2026/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Phan Thị D, sinh năm 1959; địa chỉ: số A C, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Dương Anh T; địa chỉ: số B L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản ủy quyền ngày 24-12-2025 - Có mặt.

+ Ông Đào Viết Đ; địa chỉ: khu phố P, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh. Văn bản ủy quyền ngày 23-01-2026 - Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: thôn B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng - Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Dương Đình T1, sinh năm 1958; địa chỉ: số A C, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Dương Anh T; địa chỉ: số B L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản ủy quyền ngày 24-10-2025 - Có mặt.

+ Ông Đào Viết Đ; địa chỉ: khu phố P, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh. Văn bản ủy quyền ngày 23-01-2026 - Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị H, ông Dương Văn B; địa chỉ: thôn L, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng - Vắng mặt.

+ Bà Trịnh Thị D1; địa chỉ: thôn F, xã H, tỉnh Lâm Đồng - Vắng mặt.

Người kháng cáo: nguyên đơn bà Phan Thị D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Đình T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị N có nợ bà Phan Thị D khoảng hơn 200.000.000 đồng. Do bà N có thửa đất diện tích khoảng 750m^2 ở xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (cũ) nên thỏa thuận nếu bà D đồng ý thì bà N chuyển nhượng để trừ nợ thì bà D đồng ý. Hai bên thống nhất chuyển nhượng với giá 1.900.000.000 đồng, sau đó giảm còn 1.715.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng viết giấy tay, không công chứng chứng thực, có chữ ký của bà D và N. Bà D đưa tổng cộng cho bà N 1.650.000.000 đồng. Khoảng 06 tháng sau, bà N nói đất không tách được sổ do đất nông nghiệp không đủ diện tích 1.000m^2. Bà N đổi cho bà D một thửa đất khác. Ngày 04-6-2022, hai bên viết giấy đổi đất, nội dung bà D đồng ý đổi diện tích đất 850m^2 sang lô đất khác có diện tích 13m x 50m = 650m^2, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (cũ). Sau khi viết giấy đổi đất 02 ngày, các bên đến UBND xã Đ ký hợp đồng thì bà D biết đất đang quy hoạch và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ cũ. Do sợ đất quy hoạch sau này không được bồi thường, bà D không đồng ý làm hợp đồng chuyển nhượng. Sau đó, bà

D tố cáo bà N nhưng Công an trả lời không có dấu hiệu hình sự, sau đó bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 25-11-2021 và hợp đồng đổi đất ngày 04-6-2022 với bà N, yêu cầu trả 1.680.000.000 đồng và bồi thường số tiền 1.680.000.000 đồng.

Tại buổi làm việc ngày 13-9-2025, bà D rút yêu cầu phần bồi thường số tiền 1.680.000.000 đồng; yêu cầu bà N trả lại số tiền 1.665.000.000 đồng.

Bị đơn trình bày:

Ngày 25-11-2021, bà Nguyễn Thị N viết giấy tay chuyển nhượng cho bà Phan Thị D diện tích đất 25m x 30m, đất tọa lạc tại thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (cũ). Giá chuyển nhượng 1.900.000.000 đồng, bà D đặt cọc 400.000.000 đồng, số tiền còn lại hẹn đến ngày công chứng trả. Tại thời điểm chuyển nhượng đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ cũ là ông Cil Múp Ha B1. Do bà D có nhu cầu nhận chuyển nhượng thêm 02m đất chiều ngang nên ngày 08-12-2021 hai bên viết giấy nhận cọc đất nội dung bà N chuyển nhượng cho bà D diện tích đất 27m x 30m, giá chuyển nhượng có giảm cho bà D còn 1.715.000.000 đồng. Bà N nhận của bà D 1.130.000.000 đồng, còn 585.000.0000 đồng hẹn ngày 18-02-2021 bà D thanh toán.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do diện tích chuyển nhượng 27m x 30m = 810m^2 không đủ diện tích để tách sổ *(quy định đất nông nghiệp ở nông thôn phải đủ 1.000m^2 mới được tách sổ)* nên bà D đặt vấn đề đổi qua 01 thửa đất khác có diện tích 13m x 50m = 650m^2, tọa lạc tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (cũ).

Ngày 04-6-2022, hai bên viết giấy đổi đất và cam kết nếu bên nào hủy hợp đồng thì đền gấp đôi. Tổng số tiền bà N nhận của bà D 1.665.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng bà D chưa trả. Do đất chuyển nhượng bà N chưa đứng tên nên đề nghị bà D làm thủ tục chuyển nhượng trực tiếp với chủ trước nhưng bà D không chịu và đi về. Bà D yêu cầu bà N là người chuyển nhượng trực tiếp nên bà liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký biến động sang tên bà N.

Ngày 11-6-2024, bà N hoàn thành thủ tục đăng ký biến động và làm văn bản thông báo cho bà D hợp tác, hoàn tất thủ tục chuyển nhượng trong thời hạn 30 ngày. Tuy nhiên, bà D không đồng ý nên không phải lỗi của bà N. Việc bà D khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng đổi đất và yêu cầu trả lại số tiền đã nhận 1.665.000.000 đồng thì bà N không đồng ý.

Ngày 29-10-2025, bà N có yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng ngày 25-11-2021 và hợp đồng đổi đất ngày 04-6-2022 giữa bà N và bà Phan Thị D.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2026/DS-ST ngày 03-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị D về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25-11-2021; hợp đồng đổi đất ngày 04-6-2022 giữa bà Phan Thị D và bà Nguyễn Thị N và yêu cầu trả lại số tiền 1.665.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị N. Công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25-11-2021 và hợp đồng đổi đất ngày 04-6-2022 giữa bà Phan Thị D và bà Nguyễn Thị N, đối với thửa đất 630, tờ bản đồ 12, diện tích 744m^2, được UBND huyện Đ (cũ) cấp GCNQSDĐ ngày 21-12-2023 cho ông Trần Hữu H1, bà Trần Thị R, đăng ký biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N ngày 11-6-2024, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực.

3. Về nghĩa vụ thanh toán: Buộc bà Phan Thị D thanh toán cho bà Nguyễn Thị N 50.000.000 đồng.

4. Về nghĩa vụ hoàn tất thủ tục chuyển nhượng: Buộc bà Nguyễn Thị N thực hiện thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị D theo quy định của pháp luật.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại do bà Phan Thị D rút yêu cầu.

Ngày 10-3-2026, nguyên đơn Phan Thị D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Đình T1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo hủy hợp đồng đổi đất, hợp đồng chuyển nhượng, buộc bà N trả lại số tiền đã nhận; bị đơn đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Mặt khác, bị đơn không yêu cầu nguyên đơn Phan Thị D phải thanh toán số tiền 50.000.000 đồng còn lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đến trước thời điểm nghị án. Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thỏa thuận đổi đất là có căn cứ. Bõi lẽ, nguyên đơn đã thanh toán đủ tiền cho bị đơn. Lô đất các bên chuyển nhượng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã đăng ký biến động sang tên bị đơn nên giao dịch phát sinh hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị N đồng ý không yêu cầu bà D phải thanh toán số tiền 50.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của bà N và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Phan Thị D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Đình T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến các đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, nhận thấy:

[1]. Về hình thức: Nguyên đơn Phan Thị D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Đình T1 kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn, đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo đề nghị hủy hợp đồng chuyển nhượng đất, hợp đồng đổi đất và buộc bị đơn trả lại 1.665.000.000 đồng của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Đình T1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Các đương sự xác nhận có giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25-11-2021 và thỏa thuận đổi đất ngày 04-6-2022, việc ký kết các hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, nhầm lẫn, đe dọa hoặc cưỡng ép. Bị đơn đã nhận 1.665.000.000 đồng của nguyên đơn.

[2.2]. Các hợp đồng giao kết được lập bằng giấy viết tay, chưa công chứng, chứng thực và tại thời điểm xác lập, lô đất chuyển nhượng chưa đăng ký biến động sang tên bà Nguyễn Thị N, nhưng bà Phan Thị D đã thanh toán

1.665.000.000 đồng trên tổng giá trị chuyển nhượng 1.715.000.000 đồng. Như vậy, nguyên đơn đã thực hiện hơn hai phần ba nghĩa vụ thanh toán; các bên thực hiện việc giao nhận đất trên thực tế.

[2.3]. Quá trình giải quyết vụ án, bà N hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng và đăng ký biến động đứng tên quyền sử dụng đất đối với thửa 630, tờ bản đồ 12 vào ngày 11-6-2024. Trước thời điểm bà D khởi kiện, thửa đất các bên thoả thuận chuyển nhượng đáp ứng điều kiện chuyển nhượng theo khoản 1 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013.

Mặt khác, tại khoản 2 Điều 129 của Bộ luật Dân sự quy định: *"Giao dịch dân sự vi phạm quy định điều kiện có hiệu lực về hình thức thì vô hiệu, trừ trường hợp sau đây: Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực"*.

Do đó, Toà án sơ thẩm công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thỏa thuận đổi đất là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2.4] Đối với kháng cáo của bà D, ông T1 cho rằng lô đất chuyển nhượng đã bị quy hoạch. Tuy nhiên, tại Công văn số 133/UBND ngày 03-02-2026 của UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng xác định người sử dụng đất vẫn được thực hiện các quyền chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho theo quy định pháp luật nên không có căn cứ xác định đất thuộc trường hợp bị hạn chế quyền chuyển nhượng.

[2.5]. Đối với nội dung ông Dương Đình T1 xác định tiền chuyển nhượng đất có nguồn gốc tiền vay chung của vợ chồng và không đồng ý việc đổi đất, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, hồ sơ thu thập không thể hiện ông T1 là chủ thể tham gia giao kết hợp đồng với bà N. Do đó, xác định quyền, nghĩa vụ tài sản giữa ông T1 và bà D là quan hệ pháp luật khác, không làm phát sinh căn cứ vô hiệu đối với giao kết hợp đồng giữa bà D và bà N. Ngoài ra, bà D ông T1 xác định bà N chuyển nhượng thửa đất ban đầu cho người khác, tuy nhiên việc này xảy ra sau khi các bên đã thống nhất thay thế đối tượng chuyển nhượng bằng thửa đất khác theo giấy thỏa thuận đổi đất ngày 04-6-2022 nên không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của thỏa thuận đổi đất.

[2.6]. Đối với việc bà D, ông T1 cho rằng bà N có giao dịch giả cách, nhằm tẩu tán tài sản nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, đồng thời nội dung này không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án.

[2.7]. Đối với chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ nhằm xác định hiện trạng, vị trí, diện tích và điều kiện pháp lý của tài sản tranh chấp là cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Từ những phân tích trên, thấy rằng bà D, ông T1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Nguyễn Thị N không yêu cầu nguyên đơn Phan Thị D phải thanh toán tiền 50.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó cần sửa Bản án dân sự sơ thẩm, không buộc nguyên đơn trả cho bị đơn 50.000.000 đồng. Việc sửa án là do có tình tiết mới, không phải lỗi của cấp sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phan Thị D, ông Dương Đình T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tính đến ngày xét xử phúc thẩm bà Phan Thị D, ông Dương Đình T1 trên 60 tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Phan Thị D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Đình T1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2026/DS-ST ngày 03-3-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng về nghĩa vụ thanh toán.

Áp dụng Điều 117, khoản 2 Điều 129, Điều 131 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 3 Điều 167, khoản 1 Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị D về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25-11-2021; hợp đồng

đổi đất ngày 04-6-2022 giữa bà Phan Thị D và bà Nguyễn Thị N và yêu cầu trả lại số tiền 1.665.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị N. Công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 25-11-2021 và hợp đồng đổi đất ngày 04-6-2022 giữa bà Phan Thị D và bà Nguyễn Thị N, đối với thửa đất 630, tờ bản đồ số 12, diện tích 744m^2 được UBND huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21-12-2023 cho ông Trần Hữu H1, bà Trần Thị R, đăng ký biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N ngày 11-6-2024.

Bà Phan Thị D được quyền sử dụng thửa đất 630, tờ bản đồ số 12, diện tích 744m^2 được UBND huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21-12-2023 cho ông Trần Hữu H1, bà Trần Thị R, đăng ký biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N và toàn bộ tài sản trên đất. Bà Phan Thị D được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động sang tên cho bà Phan Thị D theo quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị D về yêu cầu bà Nguyễn Thị N bồi thường thiệt hại số tiền 1.680.000.000 đồng.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Phan Thị D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản số tiền 15.311.963 đồng, đã nộp và quyết toán xong.

6. Về án phí:

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 0008424 ngày 13-11-2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Bà Phan Thị D, ông Dương Đình T1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Phan Thị D, ông Dương Đình T1 số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp 600.000 đồng theo Biên lai số 0005785 ngày 03-4-2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

36 và Điều 72 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTC (Vụ II);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 6 - Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 6 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 6 - Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Vinh